TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 8 – 2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Trang.

Bà Đàm Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 414/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Quốc H, sinh ngày 14/02/1990. Căn cước công dân số: 03409001XXXX; cấp ngày: 14/5/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ liên hệ: C T, phường T, thành phố Hải Phòng.

Người được anh H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Trịnh Thị L, sinh ngày 27/7/2001. Căn cước công dân số: 02530100XXXX; cấp ngày: 13/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; anh Vũ Đình H1, sinh ngày 18/3/2000. Căn cước công dân số: 03020001XXXX; cấp ngày: 23/3/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/11/2000. Căn cước số: 03030000XXXX; cấp ngày: 11/10/2025; nơi cấp: Bộ C và chị Đoàn Mai A, sinh ngày 24/3/2002. Căn cước công dân số: 03030200XXXX; cấp ngày: 13/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát

quản lý hành chính về trật tự xã hội. Đều có địa chỉ: C T, phường T, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H: Anh Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 31/12/1993. Căn cước công dân số: 03009301XXXX; cấp ngày: 09/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và anh Đoàn K, sinh ngày 28/6/1994 – Luật sư Công ty L1 – Chi nhánh H2, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 18/4/1993. Căn cước công dân số: 03019301XXXX; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị T1 ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Lương Thị T2, sinh ngày 10/8/2004; sinh ngày 10/8/2001. Căn cước công dân số: 03030400XXXX; cấp ngày: 17/6/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Số F ngõ B K, phường K, Thành phố Hà Nội.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Quốc H trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị T1 đăng ký kết hôn vào ngày 07/07/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, quyển số 04. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Thôn N, xã Đ, tỉnh Hưng Yên). Thời gian đầu, đời sống hôn nhân tương đối hạnh phúc, tuy nhiên về sau nhiều mâu thuẫn nảy sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc hai bên thường xuyên bất đồng trong quản lý chi tiêu gia đình, khác biệt trong quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống. Những bất đồng này dẫn đến tranh cãi, xung đột ngày càng căng thẳng. Dù cả hai đã cố gắng hòa giải, gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên can, nhưng mục đích hôn nhân không thể đạt được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên vào năm 2017 chị T1 sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Trong thời gian đầu xa nhau, anh chị vẫn thi thoảng hỏi han, chia sẻ với nhau về công việc và cuộc sống. Tuy nhiên, do khoảng cách địa lý, thời gian xa cách kéo dài và áp lực công việc ở mỗi nơi khác nhau nên việc quan tâm, chia sẻ giữa hai vợ chồng ngày càng ít dần. Trong quá trình trao đổi, nhiều

khi giữa anh chị phát sinh những bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ và cách giải quyết các vấn đề trong gia đình. Những bất đồng này không được tháo gỡ mà ngày càng tích tụ, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tranh luận gay gắt mỗi khi nói chuyện với nhau. Từ năm 2018, chị T1 cắt đứt hẳn mọi liên lạc với anh và chỉ liên lạc về với gia đình bố mẹ đẻ.

Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, việc tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này là không thể khi đời sống chung của hai vợ chồng đã cùng xác định không có cơ hội kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh mong muốn ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* *Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày*:

Chị và anh Đoàn Quốc H có thời gian tìm hiểu yêu đương và kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Thôn N, xã Đ, tỉnh Hưng Yên). Thời gian đầu, đời sống hôn nhân tương đối hạnh phúc, tuy nhiên về sau nhiều mâu thuẫn nảy sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc hai bên thường xuyên bất đồng trong quản lý chi tiêu gia đình, khác biệt trong quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống. Những bất đồng này dẫn đến tranh cãi, xung đột ngày càng căng thẳng. Dù cả hai đã cố gắng hòa giải, gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên can, nhưng mục đích hôn nhân không thể đạt được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Do điều kiện kinh tế khó khăn, nên năm 2017, chị sang Đài Loan xuất khẩu lao động (vì lí do cá nhân nên chị không thể cung cấp cho Tòa án thông tin địa chỉ cụ thể của chị ở Đài Loan). Trong thời gian đầu xa nhau, anh chị vẫn thi thoảng hỏi han, chia sẻ với nhau về công việc và cuộc sống. Tuy nhiên, do khoảng cách địa lý, thời gian xa cách kéo dài và áp lực công việc ở mỗi nơi khác nhau nên việc quan tâm, chia sẻ giữa hai vợ chồng ngày càng ít dần. Trong quá trình trao đổi, nhiều khi giữa anh chị phát sinh những bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ và cách giải quyết các vấn đề trong gia đình. Những bất đồng này không được tháo gỡ mà ngày càng tích tụ, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tranh luận gay gắt mỗi khi nói chuyện với nhau.

Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh H có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án, vì vậy, chị đồng ý ly hôn với anh Đoàn Quốc H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Tại Công văn số 5283/XNC-Đ1 ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện:

Trường hợp Nguyễn Thị T1 có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 03/5/2026 qua cửa khẩu sân bay N, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Quốc H, cho anh H được ly hôn với chị T1. Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đoàn Quốc H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị T1. Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 có nơi đăng ký thường trú tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Hiện chị T1 đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là

đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 đã gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án, đồng thời ủy quyền cho chị Lương Thị T2 thay mặt chị thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tại Tòa án.

Tại phiên tòa anh H và chị T1 đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Quốc H và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 07/07/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, quyển số 04 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của anh H và chị T1 có cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quản lý chi tiêu gia đình, khác biệt về quan điểm, cách nhìn nhận cuộc sống. Những bất đồng này kéo dài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tranh luận, xung đột. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải và gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên can, động viên nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng. Năm 2017, chị T1 sang Đài Loan xuất khẩu lao động, vợ chồng sống xa nhau. Do khoảng cách địa lý xa xôi, thời gian xa cách kéo dài cùng với áp lực công việc nên sự quan tâm, chia sẻ giữa hai vợ chồng ngày càng giảm sút. Trong quá trình liên lạc, hai bên tiếp tục phát sinh những bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ, cách giải quyết các vấn đề trong gia đình. Những bất đồng này không được tháo gỡ mà ngày càng tích tụ, khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tranh luận gay gắt mỗi khi liên lạc. Anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay và hiện tại đã cắt đứt hoàn toàn liên lạc, đời sống vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế.

Đến nay cả anh H và chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã kéo dài, tình trạng vợ chồng sống xa cách, không còn quan tâm, chia sẻ và thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau; cả hai không có biện pháp khắc phục để duy trì quan hệ hôn nhân. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh

Đoàn Quốc H ly hôn với chị Nguyễn Thị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh H và chị T1 không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung*:* Anh H và chị T1 không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[3]. Về án phí: Anh Đoàn Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Quốc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đoàn Quốc H ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Anh Đoàn Quốc H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0002104 ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh Đoàn Quốc H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên (ĐK Số 31/2014 ngày 07/7/2014);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh